

Nà Hỡ, ngày 31 tháng 10 năm 2025

**BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI
DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

- I. Thời gian:** 07 giờ 45 phút, ngày 31 tháng 10 năm 2025
- II. Địa điểm:** Trường PTDTBT THCS Nà Hỡ, xã Nà Hỡ, tỉnh Điện Biên
- III. Thành Phần gồm:**
- Ông: Trần Hoàng – Hiệu trưởng – Chủ tọa
 - Ông: Nguyễn Xuân Trường – Phó hiệu trưởng
 - Bà: Tao Thị Thu Hà – Phó hiệu trưởng
 - Ông: Nguyễn Văn Thanh – Trưởng Ban thanh tra nhân dân
 - Bà: Xa Thị Thuý – Nhân viên kế toán
 - Bà: Hà Thị Hương – Thư ký hội đồng

IV. Nội Dung:

Trường PTDTBT THCS Nà Hỡ tiến hành niêm yết, công khai theo thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TTBTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính. Cụ thể như sau:

1. Công khai và niêm yết công khai giao dự toán NSNN năm 2025

2. Các số liệu công khai bao gồm: Quyết định giao dự toán số 425/QĐ-UBND ngày 30/10/2025, Quyết định công khai dự toán số 262/QĐ-THCSNH ngày 31/10/2025 và biểu mẫu số 2 kèm theo.

3. Hình thức công khai: Dán trên bảng tin và đăng tải trên trang Website Trường PTDTBT THCS Nà Hỡ.

4. Thời gian niêm yết công khai: Từ ngày 31/10/2025 đến hết ngày 29/11/2025.

Biên bản kết thúc hội 8 giờ 15 phút cùng ngày, những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

THƯ KÝ


Hà Thị Hương


Trần Hoàng

Số: 262/QĐ-THCSNH

Nà Hỡ, ngày 31 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán NSNN năm 2025
của Trường PTDTBT THCS Nà Hỡ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PTDTBT THCS NÀ HỖ

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 củ a Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2025 của UBND xã Nà Hỡ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của Trường PTDTBT THCS Nà Hỡ

(Theo biểu đính kèm)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các Phó Hiệu trưởng, bộ phận kế toán và viên chức, người lao động Trường PTDTBT THCS Nà Hỡ tổ chức, thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT



Đơn vị: Trường PTDTBT THCS Nhà Hồ

Chương: 622



DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 262/QĐ-THCSNH ngày 31/10/2025 của Trường PTDTBT THCS Nhà Hồ)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

(Đơn vị: đồng)

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.809.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	9.809.000.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	9.809.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.903.000.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.906.000.000
	- Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	380.000.000
	- Chính sách theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP	414.000.000
	- Chính sách theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP	1.047.000.000
	- Chính sách theo Nghị định 57/2017/NĐ-CP	17.000.000
	- Chính sách theo Thông tư 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	48.000.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	

HỖ
TỜ
TDTBT
HỌC CƠ
LÀ HỖ

6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	



Số: 425/QĐ-UBND

Nà Hỡ, ngày 30 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NÀ HỖ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 ngày 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách Nhà nước tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 163/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 07/10/2025 của UBND tỉnh Điện Biên điều chỉnh và giao dự toán thu, chi NSDP năm 2025, nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang đối với các đơn vị sau sắp xếp, sáp nhập và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Nà Hỡ khóa V, nhiệm kỳ 2021-2026, về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 cho các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc xã và các đơn vị ngành dọc đứng chân trên địa bàn xã (gọi là cơ quan, đơn vị) - Chi tiết như biểu kèm theo.

Điều 2. Căn cứ dự toán được giao (đã bao gồm tiền lương và các chế độ phụ cấp theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng). Các cơ quan, đơn vị chủ động sắp xếp các nhiệm vụ chi, phân bổ ngân sách từng tháng theo đúng quy định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Chu Văn Sứ

GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 425/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND xã Nà Hy)

Tên đơn vị: Trường PTDTBT THCS Nà Hy

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Khoản	Mã nguồn NS	Dự toán
Tổng cộng					9.809,0
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ				9.809,0
1	Sự nghiệp giáo - dục đào tạo và dạy nghề				9.809,0
1.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (1)	822	073	13	7.903,0
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo ND 73/2024/ND-CP	822	073	18	380,0
1.3	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	822	073	12	1.526,0
-	Chính sách miễn giảm, hỗ trợ CPHT theo ND số 238/2025/ND-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ				414,0
-	Chính sách hỗ trợ trẻ em, học sinh và cơ sở giáo dục có đối tượng hưởng chính sách theo ND 66/2025/ND-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ				1.047,0
-	Chính sách hỗ trợ mầm non, học sinh dân tộc thiểu số rất ít người theo ND 57/2017/ND-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ				17,0
-	Chính sách hỗ trợ người khuyết tật theo Thông tin liên tịch 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC				48,0

Ghi chú:

- (1) đã bao gồm: Lương, phụ cấp lương của cán bộ, viên chức, hợp đồng lao động theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm kế toán, phần mềm quản lý tài sản; tiền tăng giờ tiếng anh năm học 2024-2025; tiền chế độ giáo viên dạy thể dục từ tháng 01-05/2025.

- Yêu cầu đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Tài chính phê duyệt (1/6 tháng)